

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1554/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3944/TTr-SXD ngày 13/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trên cơ sở Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, xây dựng quy trình điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Mục A, Lĩnh vực hoạt động xây dựng, Phần II Quy trình nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 và thay thế Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Tấn Cảnh

PHẦN I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THAY THỂ TRONG LĨNH VỰC
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG
VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Căn cứ pháp lý |
|----------|---|--|
| I | Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung | |
| 1 | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh | |
| 2 | Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh | |
| 3 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 4 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|----------------|
| 5 | Cấp giấy phép đi dòi đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án). | |
| 6 | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án). | |
| 7 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án). | |
| 8 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án). | |
| 9 | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III | |
| 10 | Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | |
| 11 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng) | |
| 12 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin) | |
| 13 | Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Căn cứ pháp lý |
|-----------|--|--|
| 14 | Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài | |
| 15 | Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III | |
| 16 | Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III | |
| 17 | Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng) | |
| 18 | Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin) | |
| 19 | Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | |
| 20 | Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III | |
| II | TTHC thay thế | |
| 1 | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài | Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 2 | Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài | |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

| STT | Tên thủ tục hành chính | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|
| 1 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|----------------|
| 2 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | |
| 3 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | |
| 4 | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | |
| 5 | Giả hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | |
| 6 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. | |

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHẦN II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THAY THẾ
TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG
VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung:

1. Thủ tục Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
điều chỉnh

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|--|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ | - 28 ngày làm việc với dự án nhóm A; - 18 ngày làm việc với dự án nhóm B; - 08 ngày làm việc với dự án nhóm C. |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---|--|--|---------------------|
| Bước 4 | Lãnh đạo chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở (nếu có) | Xem xét, thông qua dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 01 ngày làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 7 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 8 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| <p>Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 33 ngày làm việc đối với dự án nhóm A. - 23 ngày làm việc đối với dự án nhóm B. - 13 ngày làm việc đối với dự án nhóm C. | | | |

2. Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|--|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ | - 35 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---|---|--|--|
| Bước 4 | Lãnh đạo chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thông qua dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Sở ký duyệt | - 15 ngày làm việc đối với công trình cấp II, cấp III; - 10 ngày làm việc đối với công trình cấp còn lại. |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 01 ngày làm việc |
| Bước 6 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 7 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 8 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | 01 ngày làm việc |
| <p>Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt. - 20 ngày làm việc đối với công trình cấp II, cấp III. - 15 ngày làm việc đối với công trình cấp còn lại. | | | |
| <p>3. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p> | | | |
| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Sở ký duyệt | 11 ngày làm việc. |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc | | | |

4. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Sở ký duyệt | 11 ngày làm việc. |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc | | | |

5. Thủ tục Cấp giấy phép đi dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Sở ký duyệt | 11 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc | | | |

6. Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyền/Theo tuyền trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyền/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyền trong đô thị/Dự án).

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 11 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc | | | |

7. Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyền/Theo tuyền trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyền/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyền trong đô thị/Dự án).

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 02 ngày làm việc |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 01 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 05 ngày làm việc | | | |

8. Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 02 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 01 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 05 ngày làm việc | | | |

9. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|--|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 14 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Văn phòng lấy số, phô tô, tách hồ sơ lưu trữ theo quy định chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 18 ngày làm việc | | | |

10. Thủ tục Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 14 ngày làm việc |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 18 ngày làm việc | | | |

11. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Sở ký duyệt | 04 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc | | | |

12. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 03 ngày làm việc | | | |

13. Thủ tục Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 04 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Văn phòng Sở lấy số, phô tô, tách hồ sơ lưu trữ theo quy định chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc | | | |

14. Thủ tục Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 06 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Văn phòng Sở lấy số, phô tô, tách hồ sơ lưu trữ theo quy định chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 10 ngày làm việc | | | |

15. Thủ tục Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 14 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Văn phòng Sở lấy số, phô tô, tách hồ sơ lưu trữ theo quy định chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 18 ngày làm việc | | | |

16. Thủ tục Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 14 ngày làm việc |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Văn phòng Sở lấy số, phô tô, tách hồ sơ lưu trữ theo quy định chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 18 ngày làm việc | | | |

17. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 03 ngày làm việc | | | |

18. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 03 ngày làm việc | | | |

19. Thủ tục Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 11 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc | | | |

20. Thủ tục Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 04 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc | | | |

II. Thủ tục hành chính thay thế

1. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 06 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 10 ngày làm việc | | | |

2. Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|--|---|---------------------|
| Bước 1 | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Văn phòng Sở | Chuyển Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt | 06 ngày làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Phòng chuyên môn | Chuyển kết quả cho Văn phòng Sở | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 6 | Văn phòng Sở | Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 10 ngày làm việc | | | |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|-----------------------|---|---|
| Bước 1 | Bộ phận một cửa | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển bộ phận chuyên môn xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Bộ phận chuyên môn | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn | - Đối với công trình 12 ngày làm việc; - Đối với nhà ở riêng lẻ 07 ngày làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo Phòng, ban | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 4 | Phòng, Ban chuyên môn | Chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận một cửa | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình 15 ngày làm việc. - Đối với nhà ở riêng lẻ 10 ngày làm việc. | | | |

2. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|-------------------|---|---------------------|
| Bước 1 | Bộ phận một cửa | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý | 0,5 ngày làm việc |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|-----------------------|---|---|
| Bước 2 | Bộ phận chuyên môn | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn | - Đối với công trình 12 ngày làm việc; - Đối với nhà ở riêng lẻ 07 ngày làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo Phòng, ban | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 4 | Phòng, Ban chuyên môn | Chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận một cửa | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình 15 ngày làm việc. - Đối với nhà ở riêng lẻ 10 ngày làm việc. | | | |

3. Thủ tục Cấp giấy phép đi dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|----------|-----------------------|---|---|
| Bước 1 | Bộ phận một cửa | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Bộ phận chuyên môn | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn | - Đối với công trình 12 ngày làm việc; - Đối với nhà ở riêng lẻ 07 ngày làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo Phòng, ban | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 4 | Phòng, Ban chuyên môn | Chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa | 0,5 ngày làm việc |

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|-------------------|--|---------------------|
| Bước 5 | Bộ phận một cửa | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình 15 ngày làm việc. - Đối với nhà ở riêng lẻ 10 ngày làm việc. | | | |

4. Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|-----------------------|---|---|
| Bước 1 | Bộ phận một cửa | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Bộ phận chuyên môn | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình 12 ngày làm việc; - Đối với nhà ở riêng lẻ 07 ngày làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo Phòng, ban | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 4 | Phòng, Ban chuyên môn | Chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận một cửa | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình 15 ngày làm việc. - Đối với nhà ở riêng lẻ 10 ngày làm việc. | | | |

5. Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---|-----------------------|---|---------------------|
| Bước 1 | Bộ phận một cửa | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Bộ phận chuyên môn | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo Phòng, ban | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 01 ngày làm việc |
| Bước 4 | Phòng, Ban chuyên môn | Chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận một cửa | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc | | | |

6. Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.

| Trình tự | Chức danh, vị trí | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---|-----------------------|---|---------------------|
| Bước 1 | Bộ phận một cửa | Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 2 | Bộ phận chuyên môn | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 3 | Lãnh đạo Phòng, ban | Ký duyệt kết quả giải quyết TTHC | 1,5 ngày làm việc |
| Bước 4 | Phòng, Ban chuyên môn | Chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa | 0,5 ngày làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận một cửa | Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân | |
| Tổng thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc | | | |

VĂN PHÒNG UBND TỈNH NINH THUẬN XUẤT BẢN

Địa chỉ: số 450 đường Thống Nhất

Điện thoại: 0259.3822683 - Fax: 0259.3822866

Email: congbao@ninhthuan.gov.vn

Website: www.ninhthuan.gov.vn

In tại: Công ty cổ phần In Ninh Thuận